*Ngày soạn:*

**ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

(Thời lượng: 01 tiết)

1. **Mục tiêu:**

**1. Kiến thức và năng lực công nghệ:** Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Phân tích được đặc điểm sinh sản của cá và của tôm.

* Mô tả được kĩ thuật ương, nuôi cá và tôm giống.
* Phân tích được ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và nhân giống thuỷ sản.
* Trình bày được thành phần dinh dưỡng và vai trò của các nhóm thức ăn thuỷ sản.
* Mô tả được một số phương pháp bảo quản, chế biến thức ăn thuỷ sản.
* Thực hiện được một phương pháp bảo quản, chế biến thức ăn thuỷ sản ở quy mô nhỏ.
* Trình bày được ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến thức ăn thuỷ sản

**2. Năng lực chung:**

-Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tin, bình tĩnh trả lời câu học ôn lại kiến thức đã học

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng và liên hệ các kiến thức được học vào thực tiễn

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** máy tính, máy chiếu, giáo án

**2. Học sinh:**

Ôn lại kiến thức đã học từ bài 14 – 18

1. **Nội dung ôn tập**

**Bài 14:**

**Câu 1.** Ở miến Bắc nước ta, mùa sinh sản của cá chủ yếu là

**A.** cuối mùa xuân, đầu mùa hè. **B.** cuối mùa hè, đầu mùa thu.

**C.** mùa xuân. **D.** mùa hè.

**Câu 2.** Đặc điểm nào sau đây thể hiện sự thích nghi cao của cá với điều kiện môi trường sống?

**A.** Thụ tinh ngoài. **B.** Đẻ trứng ra ngoài môi trường nước.

**C.** Số lượng trứng nhiều. **D.** Phần lớn không có sự chăm sóc con non.

**Câu 3.** Nhận định nào sau đây **không** đúng khi nói về kĩ thuật ương nuôi tôm giống trong bể?

1. Thả ấu trùng giống vào bể nuôi cần thả nhanh.
2. Cho ăn và lượng thức ăn cần căn cứ vào giai đoạn biến thái của ấu trùng.
3. Bể ương nuôi có thể dùng bể xi măng, bể lót bọt....
4. Có thể khử trùng bể bơi bằng iodine.

**Câu 4.** Khi nói về kĩ thuật ương nuôi tôm giống trong bể, mỗi nhận định dưới đây đúng hay sai?

1. Vệ sinh bể sạch sẽ, khử trùng bằng chlorine với liều lượng phù hợp và rửa lại bằng nước sạch.
2. Ngay sau khi thả, cho ấu trùng Nauplius ăn bổ sung ngay thức ăn.
3. Thời vụ ương tôm ở miền Nam có thể diễn ra quanh năm.
4. Trước khi thả, ấu trùng cần được tắm qua dung dịch formol nồng độ 200ppm.

 Đáp án: A) Đúng; B) Sai; C) Đúng; D) Đúng.

**Bài 15:**

**Câu 1.** Nhận định nào sau đây **không** phải là ưu điểm của ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn giống thuỷ sản?

1. Xác định chính xác những cá thể mang gene mong muốn.
2. Chọn được cá cá thể mang gene mong muốn ở giai đoạn phát triển sớm.
3. Công nghệ thực hiện đơn giản, dễ làm.
4. Giảm chi phí và công lao động.

**Câu 2.** Để quá trình thành thục của trứng và tinh trùng của cá diễn ra cùng thời điểm có thể sử dụng biện pháp nào sau đây?

1. Tiêm hormone testosterone cho cả cá đực và cá cái.
2. Tiêm hormone estrogen cho cả cá đực và cá cái.
3. Tiêm chất kích thích sinh sản cho cả cá đực và cá cái.
4. Ngâm cá trong môi trường dinh dưỡng phù hợp.

**Câu 3.** Ở cá rô phi, con đực có tốc độ sinh trưởng nhanh hơn con cái. Để mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi cá rô phi lấy thịt mà vẫn đảm bảo an toàn thực phẩm, người ta thường sử dụng biện pháp nào sau đây?

1. Tiêm chất kích thích sinh trưởng nhân tạo cho cá.
2. Tiêm hormone sinh dục cho cá.
3. Cho cá ăn thức ăn có trộn hormone testosterone

**Câu 4.** Quy trình bảo quản tinh trùng ngắn hạn trong nhân giống thuỷ sản **không** có bước nào sau đây?

**A.** Kiểm tra hoạt lực tinh trùng. **B.** Pha loãng tinh trùng với chất bảo quản.

**C.** Thu tinh trùng. **D.** Bổ sung kháng sinh.

**Câu 5.** Mỗi nhận định dưới đây đúng hay sai khi nói về vai trò của bảo quản lạnh tinh trùng của động vật thuỷ sản?

1. Giúp điều khiển giới tính của đối tượng nuôi theo hướng có lợi.
2. Giúp sản xuất giống trên quy mô lớn và chủ động.
3. Giúp dễ dàng trong quá trình vận chuyển so với việc đưa cá thể đực từ nơi này đến nơi khác để thụ tinh.
4. Khắc phục được hiện tượng thành thục sinh dục lệch pha giữa con đực và con cái.

Đáp án: a) Sai; b) Đúng; c) Đúng; d) Đúng.

**Bài 16:**

 **Câu 1:** Thức ăn thuỷ sản là

 A. sản phẩm bổ sung các chất kháng cho động vâth thuỷ sản.

B. sản phẩm cung cấp thành phần có lợi cho sự phát triển của động vật thuỷ sản.

C. sản phẩm cung cấp dinh dưỡng cho sự phát triển của động vật thuỷ sản.

D. sản phẩm cung cấp dinh dưỡng, thành phần có lợi cho sự phát triển của động vật thuỷ sản.

**Câu 2:** Thức ăn thuỷ sản**không** bao gồm

A. thức ăn kích thích tăng trưởng.

B. thức ăn hỗn hợp.

C. chất bổ sung.

D. thức ăn tươi sống và nguyên liệu.

**Câu 3:**Đâu **không** phải thành phần dinh dưỡng có trong thức ăn thuỷ sản?

A. nước.

B. chất kích thích tăng trưởng.

C. chất vô cơ.

D. chất hữu cơ.

**Câu 4:** Trong thức ăn chăn nuôi, các chất vô cơ là

A. khoáng đa lượng.

B. protein, lipid, carbonhydrate,…

C. nước.

D. khoáng đa lượng và khoáng vi lượng.

**Câu 5:** Trong thức ăn chăn nuôi, các chất hữu cơ là

A. khoáng đa lượng.

B. protein, lipid, carbonhydrate,…

C. nước.

D. khoáng đa lượng và khoáng vi lượng.

**Câu 6:** Thức ăn thuỷ sản được chia thành mấy nhóm?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

**Câu 7:** Thức ăn hỗn hợp có vai trò là

A. chứa đầy đủ các chất dinh dưỡng để phì hợp với từng loài, từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển thuỷ sản.

B. tăng giá trị dinh dưỡng trong khẩu phẩn ăn, động vật tiêu hoá, hấp thu chất dinh dưỡng tốt hơn.

C. cung cấp chất dinh dưỡng (protein hàm lượng cao) cho động vật thuỷ sản, phù hợp với đặc tính bắt mồi chủ động.

D. phối chế thức ăn, cung cấp protein, năng lượng và chất phụ gia

**Câu 8:**Thức ăn tươi sống có vai trò là

A. chứa đầy đủ các chất dinh dưỡng để phì hợp với từng loài, từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển thuỷ sản.

B. tăng giá trị dinh dưỡng trong khẩu phẩn ăn, động vật tiêu hoá, hấp thu chất dinh dưỡng tốt hơn.

C. cung cấp chất dinh dưỡng (protein hàm lượng cao) cho động vật thuỷ sản, phù hợp với đặc tính bắt mồi chủ động.

D. phối chế thức ăn, cung cấp protein, năng lượng và chất phụ gia.

**Bài 17:**

**Câu 1:** Trong thức ăn thuỷ sản, thức ăn hỗn hợp thường có dạng là

A. viên ngắn và viên dài.

B. viên tròn, viên dẹt.

C. viên to và viên nhỏ.

D. viên nổi và viên chìm.

**Câu 2:** Lượng nước trong thức ăn hỗn hợp là

A. tương đối thấp, độ ẩm từ 10% đến 12%.

B. trung bình, độ ẩm từ 20 đến 30%.

C. tương đối cao, độ ẩm khoảng 50%.

D. rất cao, chiếm đa số khối lượng của thức ăn.

**Câu 3:** Thức ăn hỗn hợp cần được bảo quản như thế nảo?

A. Đóng vào chai, đậy nút kín.

B. Đóng bao, bảo quản nơi khô, mát, thông thoáng.

C. Thức ăn được xếp đặt trực tiếp trên mặt đất.

D. Thức ăn có thể xếp trên kệ và có ánh nắng mặt trời.

**Câu 4:** Chất bổ sung thường có lượng nước

A. thấp ( 10% - 12%).

B. cao (50%).

C. rất cao ( trên 50%).

D. rất thấp (5% đến  7%).

**Câu 5:** Đâu **không** phải điều kiện bảo quản chất bổ sung?

A. Đóng gói, phân loại và dán nhãn.

B. Có ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp.

C. Bảo quản nơi thoáng mát.

D. Xếp trên kệ, cách mặt đất một khoảng.

**Câu 6:** Thức ăn tươi sống cần được bảo quản như thế nào?

A. Bảo quản trong điều kiện nhiệt độ thường.

B. Bảo quản ở nhiệt độ cao.

C. Bảo quản nhiệt độ thấp như kho lạnh, tủ lạnh,…

D. Bảo quản  nơi khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời.

**Câu 7:** Trong chế biến thức ăn thuỷ sản, chế biến thức ăn công nghiệp có bao nhiêu bước?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

**Câu 8:** Bước cuối cùng trong chế biến thức ăn công nghiệp là gì?

A. Sơ chế nguyên liệu bằng cách phơi hoặc sây khô, băm nhỏ, xay, nghiền,…

B. Phối trộn nguyênn liệu và bổ sung chất khoáng, phụ gia thích hợp.

C. Lựa chọn nguyên liệu phù hợp.

D. Sấy khô, đóng gói và bảo quản.

**Bài 18:**

**Câu 1:** Trong công nghiệp chế biến cá tra, các bộ phân **không** được sử dụng làm thực phẩm (phế phụ phẩm) là

A. đầu, thịt, da, mỡ.

B. nội tạng, xương, thịt, da.

C. xương, da, thịt, đầu.

D. đầu, mỡ, da, nội tạng và xương.

**Câu 2:** Quá trình chế biến thức ăn thuỷ sản giàu lysine từ phế phụ phẩm cá tra gồm mấy bước?

A. 5. B. 4. C. 3. D. 2.

**Câu 3:** Làm thế nào để từ phế phụ phẩm, ta thu được thức ăn thuỷ sản giàu lysine?

A. Nhiệt phân trong thời gian dài.

B. Thuỷ phân phế phụ phẩm bằng các enzyme thích hơp.

C. Điện phân với hiệu điện thế cao.

D. Trộn với các hoá chất để xảy ra phản ứng hoá học.

**Câu 4:** Trong quá trình chế biến thức ăn thuỷ sản giàu lysine từ phụ phẩm cá tra, bước đầu tiên là

A. làm nhỏ nguyên liệu.

B. thuỷ phân.

C. xử lí nguyên liệu.

D. ép viên, sấy khô.

**Câu 5:** Trong quá trình chế biến thức ăn thuỷ sản giàu lysine từ phụ phẩm cá tra, bước thứ hai là

A. làm nhỏ nguyên liệu.

B. thuỷ phân.

C. xử lí nguyên liệu.

D. ép viên, sấy khô.

**Câu 6:** Trong quá trình chế biến thức ăn thuỷ sản giàu lysine từ phụ phẩm cá tra, bước thứ ba là

A. làm nhỏ nguyên liệu.

B. thuỷ phân.

C. xử lí nguyên liệu.

D. ép viên, sấy khô.

**Câu 7:** Bước đầu tiên trong quá trình lên men đậu nành khô làm thức ăn cho động vật thuỷ sản là

A. nhân sinh khối vi sinh vật có lợi. B. lên men.

C. đánh giá chế phẩm. D. phối trộn.

**Câu 8:** Bước cuối cùng trong quá trình lên men đậu nành khô làm thức ăn cho động vật thuỷ sản là

A. nhân sinh khối vi sinh vật có lợi. B. lên men.

C. làm khô và đóng gói. D. phối trộn.

**Câu 9:** Trong quá trình làm khô và đóng gói chế phẩm men khô đậu nành, ta sấy chế phẩm ở 40oC cho đến khi

A. độ ẩm đạt 50%.

B. độ ẩm trên 50%.

C. độ ẩm 20%.

D. độ ẩm 9 - 11%.